

Số: 2933/QĐ-CTHADS

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024 của Cục THADS thành phố

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-TCTHADS ngày 29/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục THADS;

Căn cứ Quyết định số 1231/QĐ-TCTHADS ngày 29/12/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục THADS về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Tổng cục THADS;

Căn cứ Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục THADS thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/9/2024 của Cục THADS thành phố Đà Nẵng (kèm theo Biểu mẫu công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục THADS, phụ trách kế toán Cục THADS thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục THADS (b/cáo);
- Cục trưởng Cục THADS (b/cáo);
- Lưu: VT, VP.



Vũ Tiến Dũng

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự quận thành phố Đà Nẵng

Chương: 014

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH**9 tháng đầu năm 2024**(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý(6 tháng năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.500.000	1.123.192	0	
I	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
				
1.2	Phí				0
	Phí Thi hành án	1.500.000	1.123.192		
	Phí điều hòa			0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	725.000	1.128.690	0	0
1	Chi sự nghiệp.....	0	0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0			
2	Chi quản lý hành chính	725.000	1.128.690		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	725.000	1.128.690		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0		0
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	375.000	280.798	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
2				
3	Phí				
	Phí Thi hành án	375.000	280.798		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.389.695	5.444.081	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.389.695	5.399.074		
I	Chi quản lý hành chính	7.389.695	5.399.074	0	0

1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.055.872	4.490.794		0
		1.333.823			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		908.280		0
2	Chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0,00	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0,00	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	0,00	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	100.000	45.007	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100.000	45.007		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi phí quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ				
2	Chi phí quản lý hành chính				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 14 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Tiến Dũng